

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 976/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Minh Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Ông Trần Đăng Vạn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 1094/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 1153/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm: 1993

Địa chỉ: đường, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm: 1993

Địa chỉ: (Phòng trọ số 4) 22 đường 20, khu phố 4, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

(Bà Trần Thị Ngọc M có mặt; ông Nguyễn Tấn H vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M trình bày: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Nguyễn Tấn H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 20/6/2016.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà M thường phát sinh mâu thuẫn do ông H sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, bài bạc, không phụ tiền nuôi con cái. Bà M đã khuyên can, cố gắng chịu đựng mong hàn

gắn được gia đình nhưng ông H vẫn không sửa đổi, vợ chồng đã ly thân 01 năm nay. Nay bà M không thể nào tiếp tục chung sống với ông H được nữa, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà M yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H sinh ngày 05/02/2017 và Nguyễn Trần N sinh ngày 17/11/2020. Bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H. Bà M yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: cho bà Trần Thị Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H; Về con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H sinh ngày 05/02/2017 và Nguyễn Trần N sinh ngày 17/11/2020 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà M nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H; ông H hiện cư trú tại phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà M và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số ngày 20/6/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông H là hợp pháp.

Theo lời khai của bà M trong quá trình chung sống, vợ chồng bà M thường phát sinh mâu thuẫn do ông H sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, bài bạc, không phụ tiền nuôi con cái. Bà M đã khuyên can, cố gắng chịu đựng mong hàn gắn được gia đình nhưng ông H vẫn không sửa đổi, vợ chồng đã ly thân 01 năm nay. Nay bà M không thể nào tiếp tục chung sống với ông H được nữa, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng.

Ông Nguyễn Tấn H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Theo kết quả xác minh của Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T đều trả lời không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà M và ông Hoàng.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng bà M và ông H không còn tình cảm với nhau, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau, không sống chung với nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà M yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo giấy khai sinh số 29 ngày 19/02/2017 và số 184 ngày 18/12/2020 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh G cấp thì bà M và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H sinh ngày 05/02/2017 và Nguyễn Trần N sinh ngày 17/11/2020.

Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét, theo lời khai của bà M thì hiện nay cháu H và cháu N đang sống chung với bà M và do bà M trực tiếp nuôi dưỡng từ khi bà M và ông H ly thân

với nhau. Trong quá trình bà M và ông H không còn sống chung với nhau, ông H cũng không tới thăm con hay phụ tiền nuôi con. Đồng thời, ông H cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của bà M và cháu H, cháu N hiện đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H sinh ngày 05/02/2017 và Nguyễn Trần N sinh ngày 17/11/2020 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H sinh ngày 05/02/2017 và Nguyễn Trần N sinh ngày 17/11/2020 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Nợ chung: không có.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà M đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0024002 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án

dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 20/6/2016 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh B cấp cho bà Trần Thị Ngọc M và ông Nguyễn Tấn H không còn giá trị pháp lý.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Nơi cấp GCNKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Minh Hiếu**